

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2022/DS -ST**

Ngày: 24/6/2022

*V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản và góp hụi”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT- TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Phúc*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Phước

2. Bà Phạm H Gái

**- Thư ký phiên toà:** Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà:** Bà Trần Phương Thúy – Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ng , sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Ch, thị trấn H, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Ch, thị trấn H, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* - Ông Phạm Văn M, sinh năm 1972; *Địa chỉ:* Khu phố Ch, thị trấn H, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

- Ông Trần Đình N, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố Ch, thị trấn H, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Ng trình bày:*

Bà Phạm Thị Ng với bà Huỳnh Thị Kim H và ông Trần Đình N là chỗ quen biết nên có cho bà H tham gia góp hội và vay tiền cụ thể:

Về góp hội: Bà Huỳnh Thị Kim H tham gia 04 chân hội ở 04 dây hội do bà Phạm Thị Ng làm chủ bao gồm:

- Dây hội thứ nhất: Hội tháng 5.000.000đồng/tháng, mở ngày 22/5/2019 có 21 người tham gia, bà H tham gia 01 chân, hình thức chơi mỗi tháng khui một lần, ai bỏ cao người đó hốt , hội chết (đã hốt hội) đóng 5.000.000đồng, bà Huỳnh Thị Kim H bỏ 1.500.000 đồng và là người hốt đầu tiên được số tiền 70.000.000đồng (35.000.000 đồng x 20 người), số tiền hội chết phải góp lại là 100.000.000 đồng. Bà Phạm Thị Ng đã giao đủ tiền cho bà Huỳnh Thị Kim H, sau khi hốt hội bà H góp lại được 02 lần hội chết được số tiền 10.000.000 đồng thì ngưng không góp nữa, Dây hội này đã mãn vào ngày 22/02/2021. Như vậy chân hội này bà H còn nợ bà Ng 18 lần hội chết x 5.000.000đồng thành tiền là 90.000.000đồng.

Dây hội thứ hai: Hội mùa 20.000.000đồng, mở ngày 20/9/2016, có 11 người tham gia, bà H tham gia 01 chân, hình thức chơi hốt theo mùa lúa vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm. Hội sống góp 20.000.000đồng, hội chết góp 30.000.000đồng, bà H là người hốt lần thứ 5 được 240.000.000đồng, bà Ng đã giao đủ tiền cho bà H, chân hội này bà H góp được 06 lần (gồm 05 lần hội sống và 01 lần hội chết) thì không góp nữa, dây hội này đã mãn vào tháng 9/2021. Chân hội này bà H còn nợ bà Ng 05 lần hội chết x 30.000.000 đồng/lần thành tiền là 150.000.000 đồng

Dây hội thứ ba: Hội mùa 20.000.000đồng, mở ngày 01/9/2016, có 11 người tham gia, bà H tham gia 01 chân, hình thức chơi hốt theo mùa lúa vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm. Hội sống góp 20.000.000đồng, hội chết góp 34.000.000đồng, bà H là người hốt đầu được 200.000.000đồng, bà Ng đã giao đủ tiền cho bà H. Số tiền hội chết bà H phải góp lại là 340.000.000 đồng, tuy nhiên sau khi hốt hội bà H góp được 06 lần hội chết với số tiền 204.000.000 đồng thì

không góp nữa, đây hội này mãi vào ngày 01/9/2021, như vậy bà H còn nợ bà Ng 04 lần hội chết x 34.000.000 đồng thành tiền 136.000.000đồng.

Đây hội thứ tư: Hội tháng 3.000.000đồng/tháng, mở ngày 01/9/2018, có 25 người tham gia, bà H tham gia 01 chân, hình thức chơi mỗi tháng khai một lần, ai bỏ cao người đó hốt, bà Huỳnh Thị Kim H bỏ 900.000 đồng và là người hốt đầu tiên được số tiền 50.400.000 đồng (2.100.000đồng x 24 người), bà Ng đã giao đủ tiền cho bà H. Số tiền hội chết bà H phải góp là 72.000.000 đồng (24 người x 3.000.000 đồng), tuy nhiên sau khi hốt bà H chỉ góp lại được 13 lần hội chết với số tiền 39.000.000 đồng thì không góp nữa, đây hội này đã mãi ngày 01/9/2020, như vậy chân hội này bà H còn nợ bà Ng 11 lần hội chết x 3.000.000đ = 33.000.000đồng.

Tổng cộng tiền nợ góp hội của 04 chân hội bà Huỳnh Thị Kim H tham gia là 409.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu đồng). Số nợ hội bà Huỳnh Thị Kim H không góp bà Phạm Thị Ng đã góp thay để giao cho những người tham gia góp hội.

Về nợ tiền vay : Vào ngày 27/5/2019 bà Ng có cho bà H có vay số tiền 50.000.000đồng, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, tuy nhiên bà H không đóng lãi cho bà Ng được khoản tiền nào cũng như không trả vốn vay gốc cho bà Ng, Ngoài ra bà Ng không nhớ ngày tháng nhưng trong năm 2019, bà H bị bệnh không có tiền đi khám nên bà Ng cho bà H cho vay thêm 2.000.000đồng hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng bà H vẫn không trả nợ gốc và lãi được khoản tiền nào. Tổng cộng nợ vay 02 lần là: 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng)

Như vậy vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim H, ông Trần Đình N nợ bà Phạm Thị Ng tiền góp hội và tiền vay là : 409.000.000 đồng + 52.000.000 đồng = 461.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu đồng)

Ngày 02/11/2020 bà Phạm Thị Ng với bà Huỳnh Thị Kim H ngồi lại tính toán nợ, do phía bà Huỳnh Thị Kim H không có khả năng thanh toán nợ nên hai bên tính toán nợ góp hội tại thời điểm đó và nợ vay với số tiền cả gốc và lãi hai bên thống nhất là 550.000.000đồng, hai bên viết giấy biên nhận ngày 02/11/2020 thể hiện bà Huỳnh Thị Kim H vay của bà Phạm Thị Ng số tiền 550.000.000đồng.

Về tờ “Giấy biên nhận ngày 02/11/2020” bà Phạm Thị Ng và bà Huỳnh Thị Kim H thống nhất với nhau hủy bỏ nội dung vì thực tế bà H không vay nợ bà Ng

với số tiền 550.000.000 đồng như nội dung tờ biên nhận thể hiện, mục đích viết giấy biên nhận là để chốt nợ với nhau.

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2021 bà Phạm Thị Ng yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim H và ông Trần Đình N thanh toán số tiền nợ vay gốc là 540.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 02/11/2020 đến ngày 02/11/2021 là 12 tháng, lãi suất yêu cầu là 2%/tháng thành tiền là 129.600.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 669.600.000 đồng. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Phạm Thị Ng thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Rút yêu cầu khởi kiện về phần tiền vay gốc là 79.000.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu đồng*); Rút yêu cầu tính lãi với phần tiền lãi là 129.600.000 đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tổng cộng cả gốc và lãi rút yêu cầu là 208.600.000 đồng (*Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm nghìn đồng*)

Nay bà Phạm Thị Ng yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim H cùng chồng là ông Trần Đình N liên đới thanh toán tiền nợ góp hội là 409.000.000 đồng (*Bốn trăm lẻ chín triệu đồng*) và tiền nợ vay là 52.000.000 đồng (*năm mươi hai triệu đồng*). Tổng cộng hai khoản là 461.000.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi một triệu đồng*). Do thấy hoàn cảnh kinh tế bà Huỳnh Thị Kim H, ông Trần Đình N khó khăn nên bà Phạm Thị Ng không yêu cầu tính lãi.

***Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Kim H trình bày:***

Bà Huỳnh Thị Kim H và ông Trần Đình N là vợ chồng có đăng ký kết hôn, bà Huỳnh Thị Kim H có tham gia góp hội do bà Phạm Thị Ng làm chủ và vay tiền của bà Ng như lời bà Ng trình bày là đúng, khi tham gia góp hội và vay tiền bà Ng thì bà H giấu không cho ông N biết chỉ khi bà Ng sang nhà đòi nợ thì ông N mới biết.

Về tham gia góp hội bà Huỳnh Thị Kim H tham gia 04 chân hội gồm 02 chân hội tháng và 02 chân hội mùa cụ thể:

- Hội tháng 5.000.000đồng, có 21 người tham gia, ai bỏ cao người đó hốt, bà Huỳnh Thị Kim H là người hốt đầu tiên hốt được số tiền 70.000.000đồng, sau khi hốt hội bà H góp lại được 02 lần hội chết với số tiền 10.000.000 đồng thì ngưng không có khả năng góp nữa, bà H còn nợ bà Ng 18 lần hội chết x 5.000.000đồng thành tiền là 90.000.000đồng.

- Hội tháng 3.000.000đồng, có 25 người tham gia, ai bỏ cao người đó hốt, bà Huỳnh Thị Kim H là người hốt đầu tiên được số tiền 50.400.000 đồng, sau khi hốt bà H góp lại được 13 lần hội chết với số tiền 39.000.000 đồng thì không có

khả năng góp nữa, bà H còn nợ bà Ng 11 lần hội chết x 3.000.000đ = 33.000.000đồng.

- Hội mùa 20.000.000đồng có 11 người tham gia, hội sống góp 20.000.000đồng, hội chết góp 30.000.000đồng, bà H là người hót lần thứ 5 được 240.000.000đồng, sau khi hót hội bà H góp lại được 06 lần thì không có khả năng góp nữa, bà H còn nợ bà Ng 05 lần hội chết x 30.000.000 đồng thành tiền là 150.000.000 đồng

- Hội mùa 20.000.000đồng có 11 người tham gia, hội sống đóng 20.000.000đồng, hội chết đóng 34.000.000đồng, bà H là người hót đầu được 200.000.000đồng, sau khi hót hội bà H đóng được 06 lần hội chết thì không có khả năng đóng nữa, bà H còn nợ bà Ng 04 lần hội chết x 34.000.000 đồng thành tiền 136.000.000đồng.

Về nợ tiền vay: Vào năm 2019 bà H có vay của bà Ng 02 lần với số tiền 52.000.000đồng, trong đó 01 lần 50.000.000 đồng và 01 lần 2.000.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị Kim H thừa nhận còn nợ bà Phạm Thị Ng tiền góp hội và tiền vay là 461.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu đồng), trong đó tiền nợ góp hội là 409.000.000 đồng, nợ vay là 52.000.000 đồng.

Do sau khi hót hội bà Huỳnh Thị Kim H cho người khác vay lại để lấy lãi nhằm có thu nhập chi tiêu trong gia đình, tuy nhiên do những người vay tiền bà H giật nợ bỏ đi nên không có tiền để góp hội lại cho bà Phạm Thị Ng. Vào ngày 02/11/2020 bà Huỳnh Thị Kim H với bà Phạm Thị Ng tính toán nợ hội và nợ vay, do không có khả năng thanh toán nợ nên hai bên tính lãi nợ hội và vay chốt nợ với số tiền cả gốc và lãi là 550.000.000đồng, hai bên viết giấy biên nhận thể hiện bà Huỳnh Thị Kim H vay của bà Phạm Thị Ng số tiền 550.000.000đồng, tuy nhiên thực tế bà H không vay của bà Ng với số tiền 550.000.000 đồng, mục đích viết biên nhận nợ vay là để chốt nợ với nhau.

Nay bà Phạm Thị Ng yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim H cùng chồng là ông Trần Đình N liên đới thanh toán tiền nợ góp hội và tiền vay là 461.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu đồng) không yêu cầu tính lãi thì bà đồng ý nhưng hiện tại hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin được trả dần số nợ theo mùa lúa, mỗi mùa 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ chứ không thể thanh toán 01 lần được.

Về tờ nội dung tờ giấy biên nhận ngày 02/11/2020 bà Huỳnh Thị Kim H với Phạm Thị Ng và bà thống nhất hủy bỏ.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm văn M trình bày:*

Ông Phạm Văn M là chồng của bà Phạm Thị Ng, Việc bà Ng làm chủ hội, bà H tham gia góp hội còn nợ tiền cũng như bà Ng cho bà H vay tiền như thế nào ông không rõ, tuy nhiên số tiền nợ góp hội và nợ vay của bà H là tài sản chung vợ chồng. Bà Ng khởi kiện bà H, ông N thì ông giao cho bà Ng toàn quyền quyết định, trong vụ án này ông không có yêu cầu gì.

*Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Đình N theo quy định, tuy nhiên ông N không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.*

*Các tình tiết mà nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất:* Về số nợ góp hội bà Phạm Thị Ng trình bày bà Huỳnh Thị Kim H tham gia 04 chôngân hội ở 04 đây hội do bà Ng làm chủ, hiện còn nợ lại bà Ng tiền góp hội là 409.000.000 đồng và nợ tiền vay số tiền là 52.000.000 đồng, tổng cộng nợ hội và nợ vay là 461.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu đồng ). Bà Huỳnh Thị Kim H thừa nhận có tham gia góp hội do bà Ng làm chủ còn nợ lại số tiền góp hội là 409.000.000 đồng và nợ tiền vay gốc là 52.000.000 đồng của bà Ng.

Về nội dung tờ “Giấy biên nhận ngày 02/11/2020” giữa bà Huỳnh Thị Kim H với Phạm Thị Ng hai bên thống nhất hủy bỏ.

*Các tình tiết mà các bên chôngưa thống nhất:* - Về nghĩa vụ trả nợ bà Phạm Thị Ng yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim H, ông Trần Đình N có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ vay một lần, Bà Huỳnh Thị Kim H xin được trả dần số tiền nợ, ông N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến về nghĩa vụ trả nợ.

*Tại phiên tòa , kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung vụ án như sau:*

*Về tuân theo pháp luật tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án chôngo đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Căn cứ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ và diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chồnggáp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Huỳnh Thị Kim H và ông Trần Đình N liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị Ng số tiền 461.000.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi một triệu đồng*)

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng với phần tiền rút yêu cầu là 208.600.000 đồng (*Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm nghìn đồng*)

- Ghi nhận việc bà Phạm Thị Ng và bà Huỳnh Thị Kim H hủy bỏ nội dung tờ “giấy biên nhận” ngày 02/11/2020.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận nên . Bị đơn phải chịu án phí giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chồnggáp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Phạm Thị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Kim H và ông Trần Đình N liên đới trả số tiền nợ góp hụi và tiền nợ vay. Đây là tranh chồnggáp “ *Hợp đồng góp hụi*” và “ *Hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về Thủ tục tố tụng:* Ông Trần Đình N và ông Phạm Văn M vắng mặt tại phiên tòa, ông M có đơn xin xét xử vắng mặt , ông N vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ng rút một phần yêu cầu khởi kiện với phần nợ gốc là 79.000.000 và rút yêu cầu tính lãi với số tiền 129.600.000 đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng đối với phần tiền gốc và lãi là 208.600.000 đồng (*hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm nghìn đồng*)

[3] *Về nội dung vụ án:* Bà Huỳnh Kim H có tham gia 4 chân hụi gồm 02 chân hụi góp theo tháng và hai chân hụi góp theo mùa do bà Phạm Thị Ng làm chủ, khi

hốt hụi bà Huỳnh Kim H có ký xác nhận với bà Phạm Thị Ng, hiện các chân hụi bà Huỳnh Kim H tham gia góp đều đã mãn hụi, phía bà Phạm Thị Ng đã thay bà Huỳnh Kim H góp chôngo các hụi viên phần hụi mà bà H không góp. Quá trình rổ tung cũng như tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Kim H thừa nhận còn nợ bà Phạm Thị Ng tiền nợ góp hụi là 409.000.000 đồng. Ngoài ra bà Ng có cho bà Huỳnh Kim H vay tổng số tiền gốc là 52.000.00 đồng được bà H thừa nhận. Như vậy lời trình bày của hai bên trùng khớp với nhau nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới thanh toán nợ

[4.1] Xét hợp đồng góp hụi: Khi giao kết các hợp đồng góp hụi giữa bà Phạm Thị Ng và bà Huỳnh Thị Kim H là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội được quy định tại các Điều 117; 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên các bên có quyền, nghĩa vụ phải thực hiện. Bà Phạm Thị Ng đã giao đủ tiền hốt hụi cho bà Huỳnh Thị Kim H, quá trình tố tụng bà Huỳnh Thị Kim H thừa nhận còn nợ bà Phạm Thị Ng số tiền nợ góp hụi là 409.000.000 đồng và đồng ý thanh toán cho bà Phạm Thị Ng. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18 và Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ về “Hụi, họ, biêu, phường” thì yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét hợp đồng vay tài sản: Bà Phạm Thị Ng cho bà Huỳnh Thị Kim H vay 02 lần tiền tổng cộng là 52.000.000 đồng; Khi vay hai bên không có làm biên nhận, quá trình tố tụng bà H thừa nhận số nợ gốc vay gốc của bà Ng là 52.000.000 đồng và đồng ý thanh toán cho bà Phạm Thị Ng, do đó căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của bà Ng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Ng yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim H và ông Trần Đình N liên đới thanh toán nợ:

Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Kim H trình bày bà và ông Trần Đình N là vợ chồng có đăng ký kết hôn, khi tham gia góp hụi và vay tiền bà Ng bà không cho ông N biết, tuy nhiên số tiền thu được từ vay và góp hụi bà đầu tư cho vay lại, khi có lãi thì bà đem về phục vụ cuộc sống chung của gia đình, quá trình tố tụng ông



Trần Đình N không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn . Do đó, căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng, buộc bà Huỳnh Thị Kim H cùng ông Trần Đình N liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị Ng tổng số tiền nợ góp hụi và nợ vay là 461.000.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi một triệu đồng*)

[5] Xét ý kiến của bà Huỳnh Thị Kim H xin được thanh toán theo nợ theo mùa lúa, mỗi mùa trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng ) cho đến khi hết nợ nhưng không được bà Phạm Thị Ng chấp nhận nên không có cơ sở để hội đồng xét xử xem xét.

[6] Xét tờ “ Giấy biên nhận ngày 02/11/2020” thể hiện bà Huỳnh Thị Kim H vay của bà Phạm Thị Ng số tiền 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*), quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Kim H và bà Phạm Thị Ng xác định số tiền vay chỉ là 52.000.000 đồng còn lại là nợ hụi 409.000.000 đồng, mục đích hai bên viết giấy biên nhận là nhằm để chốt nợ với nhau nên hai bên thống nhất hủy bỏ nội dung tờ “Giấy biên nhận ngày 02/11/2020”. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Kim H, ông Trần Đình N phải liên đới chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn là 22.440.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; các Điều 266; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 117; 463; 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015

- Căn cứ các Điều 27; 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim H cùng ông Trần Đình N liên đới thanh toán nợ.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Kim H cùng ông Trần Đình N liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị Ng tổng số tiền nợ góp hụi và vay là 461.000.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi một triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Phạm Thị Ng có đơn yêu cầu thi hành án, phía bà Huỳnh Thị Kim H, ông Trần Đình N còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng với phần tiền rút yêu cầu là 208.600.000 đồng (*Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm nghìn đồng*)

4. Ghi nhận thỏa thuận giữa bà Phạm Thị Ng và bà Huỳnh Thị Kim H hủy bỏ nội dung tờ “ Giấy biên nhận ngày 02/11/2020”

5. Về án phí dân sự sơ thẩm : Buộc bà Huỳnh Thị Kim H, ông Trần Đình N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.440.000 đồng (*hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Bà Phạm Thị Ng không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.392.000 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001431, ngày 30/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

6. Quyền kháng cáo: Báo chồng các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Đình N và ông Phạm văn M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9*

*Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công ty Thi hành án dân sự.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Phúc**